

Số: 30/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về bổ sung các chỉ tiêu tăng trưởng giai đoạn 2026 - 2030 và năm 2026;
nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng của các địa phương năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 để thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, Nghị quyết số 25/2026/QH16 của Quốc hội và Nghị quyết số 109/NQ-CP của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 2687/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2026; Báo cáo số 277/BC-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2026; Báo cáo số 285/BC-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 và Báo cáo số 307/BC-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của các ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung các chỉ tiêu tăng trưởng giai đoạn 2026 - 2030 tại Nghị quyết số 316/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Bổ sung dự kiến mục tiêu Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân theo từng khu vực: **(i1)** Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,16%; **(i2)** Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 12,33% (trong đó: công nghiệp tăng 12,21%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 21,34%; xây dựng tăng 13,01%); **(i3)** Khu vực dịch vụ tăng 13,49% (trong đó: bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô... tăng 17,25%; vận tải, kho bãi tăng 15,26%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 9,93%; tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,38%; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ tăng 8,49%); **(i4)** Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 8,2%.

b) Bổ sung các chỉ tiêu:

Về kinh tế: (1) Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) bình quân đạt trên 17%; (2) Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo bình quân đầu người đến năm 2030 đạt 3.000 USD; (3) Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng bình quân đạt 15%; (4) Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu bình quân đạt 10-11%; (5) Tốc độ tăng kim ngạch nhập khẩu bình quân đạt

11-12%; (6) Tốc độ tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp văn hóa đạt 11%; (7) Số lượt khách quốc tế do các cơ sở lưu trú phục vụ đến năm 2030 đạt 9 triệu lượt; (8) Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn đến năm 2030 đạt trên 200 nghìn tỷ đồng; tỷ lệ tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội/GRDP bình quân đạt 27-29%; (9) Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trên tổng số doanh nghiệp trên địa bàn đến năm 2030 đạt từ 40% trở lên; (10) Tốc độ tăng điện thương phẩm bình quân đạt 11%; (11) Số doanh nghiệp đang hoạt động đến năm 2030 đạt 18,8 nghìn doanh nghiệp.

Về văn hóa - xã hội: (12) Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động có việc làm trên địa bàn tỉnh đạt dưới 15%; (13) Tỷ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin đến năm 2030 đạt 90%; (14) Tỷ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM đạt 36%; (15) Tỷ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động đến năm 2030 đạt 50%; (16) Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm đạt 100%.

Về môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu: (17) Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông đạt 100%; (18) Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đạt 98-100%; (19) Tỷ lệ doanh nghiệp công nghiệp áp dụng giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả đến năm 2030 đạt 70-75%.

Điều 2. Bổ sung các chỉ tiêu tăng trưởng năm 2026 tại Nghị quyết số 318/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Bổ sung dự kiến mục tiêu Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân theo từng khu vực: **(i1)** Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,00%; **(i2)** Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 15,03% (trong đó: công nghiệp tăng 15,15%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 27,85%; xây dựng tăng 14,12%); **(i3)** Khu vực dịch vụ tăng 14,20% (trong đó: bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô... tăng 16,52%; vận tải, kho bãi tăng 18,11%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 12,04%; tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,71%; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ tăng 10,06%); **(i4)** Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 6,60%.

b) Bổ sung các chỉ tiêu:

Về kinh tế: (1) Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) đạt 16%; (2) Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo bình quân đầu người đạt 1.800 USD; (3) Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 24%; (4) Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu đạt trên 15%; (5) Tốc độ tăng kim ngạch nhập khẩu đạt trên 14%; (6) Tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp văn hóa đạt 12%; (7) Số lượt khách quốc tế do các cơ sở lưu trú phục vụ đạt 6 triệu lượt; (8) Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn đạt trên 130 nghìn tỷ đồng; tỷ lệ tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội/GRDP đạt 30-32%; (9) Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trên tổng số doanh nghiệp trên địa bàn đạt 10%; (10) Tốc độ tăng điện thương phẩm đạt 7%; (11) Số doanh nghiệp đang hoạt động đạt 15,2 nghìn doanh nghiệp.

Về văn hóa - xã hội: (12) Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động có việc làm trên địa bàn tỉnh đạt dưới 16%; (13) Tỷ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin đạt 82%; (14) Tỷ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM đạt 32%; (15) Tỷ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động đạt 50%; (16) Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm đạt 95%.

Về môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu: (17) Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông đạt 100%; (18) Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đạt 98%; (19) Tỷ lệ doanh nghiệp công nghiệp áp dụng giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả đạt 66%.

Điều 3. Bổ sung nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2026

Hội đồng nhân dân tỉnh cơ bản tán thành các nhiệm vụ, giải pháp do Ủy ban nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đề xuất, kiến nghị tại Kỳ họp; đồng thời đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 tại Nghị quyết số 316/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 tại Nghị quyết số 318/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2025 và Nghị quyết số 334/NQ-HĐND ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, đề nghị UBND tỉnh cần chuyển mạnh từ tư duy điều hành sang tư duy tổ chức thực hiện; lấy tiến độ, chất lượng, sản phẩm và hiệu quả thực tế làm thước đo đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và người đứng đầu; tập trung tháo gỡ dứt điểm các điểm nghẽn, khơi thông, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, biến chủ trương, quyết sách thành kết quả cụ thể. Chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai kịp thời, đồng bộ Nghị quyết của Quốc hội về thành lập thành phố Quảng Ninh trực thuộc Trung ương ngay sau khi được thông qua. Đồng thời, tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Tập trung triển khai có hiệu quả chủ đề công tác năm 2026 về “Đột phá trong tăng trưởng kinh tế; nâng cao chất lượng đô thị, sớm đạt tiêu chí thành phố trực thuộc Trung ương”

Thực hiện Đề án xác lập mô hình tăng trưởng mới giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm chất lượng, đúng lộ trình. Chủ động theo dõi sát tình hình thực tiễn, cập nhật, điều hành linh hoạt kịch bản tăng trưởng kinh tế phù hợp với diễn biến thực tế của từng ngành, lĩnh vực, địa phương; kịp thời có giải pháp ứng phó hiệu quả đối với các yếu tố tác động phát sinh, phân đầu hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2026 đạt trên 13%. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành cơ sở hạ tầng, giải phóng mặt bằng, san lấp, tạo quỹ đất sạch tại các khu công nghiệp, trọng tâm là: Sông Khoai; Bắc Tiên Phong; Đông Triều; Texhong Hải Hà trong quý III/2026. Hỗ trợ, đẩy nhanh tiến độ xây dựng dự án năng lượng điện khí, điện gió.

Hiện đại hóa hệ sinh thái dịch vụ chất lượng cao, phát triển sân golf theo quy hoạch. Thực hiện hiệu quả các Đề án: phát huy giá trị Di sản vịnh Hạ Long - Yên Tử gắn với vịnh Bái Tử Long; phát triển kinh tế di sản, du lịch đêm; thí điểm cửa

khẩu thông minh Móng Cái (Việt Nam) - Đông Hưng (Trung Quốc). Sớm đưa vào hoạt động hạ tầng cảng biển và đẩy nhanh nạo vét luồng hàng hải.

Phát triển theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số. Đưa thủy sản thành ngành mũi nhọn, mở rộng nuôi biển tập trung, ứng dụng công nghệ cao, hiệu quả, bền vững gắn với bảo vệ môi trường biển và nguồn lợi thủy sản; chống khai thác IUU. Phát triển kinh tế rừng bền vững, tập trung vào rừng gỗ lớn và bảo vệ rừng phòng hộ.

Quán triệt, cụ thể hóa Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, chuyển mạnh từ thu hút vốn theo số lượng sang thu hút có chọn lọc, phát triển theo chiều sâu; ưu tiên dự án công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, sử dụng năng lượng sạch và có khả năng liên kết doanh nghiệp trong nước.

Tập trung nghiên cứu, xây dựng và đề xuất hệ thống cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển thành phố Quảng Ninh theo quy hoạch, tạo động lực và không gian phát triển mới; chủ động xây dựng lộ trình, chuẩn bị đầy đủ điều kiện để triển khai ngay sau khi được phê duyệt, bảo đảm bộ máy hoạt động thông suốt, không gián đoạn. Hoàn thiện các đề án phát triển khu kinh tế cửa khẩu theo mô hình thể hệ mới.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành ngân sách và đầu tư công

Tập trung đẩy mạnh các giải pháp hỗ trợ, nuôi dưỡng nguồn thu và khai thác có hiệu quả các nguồn thu bền vững; quản lý chặt chẽ các nguồn thu từ đất, thu tiền sử dụng khu vực biển, bảo đảm thu đúng, thu đủ, chống thất thu ngân sách; trọng tâm là hoạt động xuất nhập khẩu để hoàn thành dự toán được giao trong bối cảnh Trung ương ban hành các chính sách miễn, giảm thuế xuất nhập khẩu. Siết chặt kỷ cương quản lý thuế, chỉ đạo ngành Thuế phối hợp chặt chẽ với các địa phương triển khai các giải pháp căn cơ nhằm đôn đốc thu hồi nợ đọng, kiên quyết kéo giảm tỷ lệ nợ đọng thuế (đặc biệt đối với các doanh nghiệp có số nợ lớn kéo dài).

Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư và phê duyệt chủ trương đầu tư, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình quy định; tập trung nâng cao chất lượng khảo sát, thiết kế, lập dự toán và hồ sơ mời thầu để lựa chọn nhà thầu, đơn vị tư vấn có đủ năng lực; hạn chế tối đa việc điều chỉnh, bổ sung hồ sơ nhiều lần làm kéo dài thời gian và tăng chi phí đầu tư. Khẩn trương rà soát, hoàn thiện thủ tục đầu tư để trình Hội đồng nhân dân tỉnh phương án phân bổ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất còn lại bảo đảm tập trung, trọng điểm, đúng thứ tự ưu tiên, gắn chặt với khả năng giải ngân, tránh tình trạng vốn chờ dự án.

Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm, động lực và các dự án chuyển tiếp phải hoàn thành trong năm 2026; kiểm soát chặt chẽ công tác tạm ứng, tăng cường kiểm tra và thu hồi dứt điểm các khoản tạm ứng quá hạn, không để xảy ra thất thoát, chiếm dụng hoặc sử dụng vốn sai mục đích. Chủ động, thường xuyên rà soát khả năng giải ngân bao gồm cả chi đầu tư, chi thường xuyên; kiên quyết thực hiện điều chuyển vốn từ các dự án, nhiệm vụ chậm triển khai, không có khả năng giải ngân sang các dự án, nhiệm vụ đã có khối lượng thực hiện, có nhu cầu vốn thực tế và có khả năng hoàn thành trong năm; phân đấu giải ngân 100% kế

hoạch đầu tư công đến ngày 31 tháng 12 năm 2026. Có giải pháp điều hành ngân sách linh hoạt, chủ động, bám sát diễn biến thực tế (nhất là nguồn thu từ đất và tiền độ giải ngân ở các cấp) và dự toán được giao, không được để xảy ra tình trạng chậm phân bổ vốn, tồn dư dự toán lớn tại các cơ quan, đơn vị, địa phương gây lãng phí nguồn lực ngân sách nhà nước. Xác định đầu tư công là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, gắn kết quả giải ngân vốn đầu tư công là tiêu chí quan trọng để đánh giá cán bộ theo Quy định 366-QĐ/TW của Bộ Chính trị.

Xây dựng Kế hoạch tài chính 5 năm 2026 - 2030, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 đảm bảo các yêu cầu theo Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Kiên quyết thực hiện nguyên tắc đầu tư tập trung, trọng điểm, không dàn trải, rõ thứ tự ưu tiên, hạch toán kinh tế - xã hội đối với từng dự án làm cơ sở để bố trí và phân bổ vốn đầu tư công theo kết quả đầu ra, đảm bảo yêu cầu giảm số lượng dự án tối thiểu 30% so với giai đoạn 2021 - 2025. Tổ chức đánh giá tổng thể việc thực hiện quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, định mức phân bổ chi ngân sách địa phương tại Nghị quyết số 88/2025/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh để kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế phù hợp với khả năng nguồn lực của kế hoạch tài chính 5 năm, phân cấp quản lý theo ngành, thực tiễn sắp xếp thôn, bản, khu phố và đơn vị hành chính cấp xã (nếu có).

Hoàn thành rà soát, xây dựng phương án sắp xếp, xử lý tài sản công, cơ sở nhà, đất theo hướng tinh gọn, tiết kiệm, hiệu quả, theo quy định, không để xảy ra tiêu cực, tham nhũng, thất thoát, lãng phí. Tận dụng tối đa công năng sử dụng các trụ sở làm việc hiện có; hạn chế tối đa việc xây dựng trụ sở mới; các cơ quan, địa phương chịu trách nhiệm về việc đề xuất, xác định sự cần thiết khi quyết định, bảo đảm hạch toán kinh tế trong sử dụng ngân sách nhà nước, không để ảnh hưởng đến các mục tiêu quan trọng khác, chống lãng phí, tiêu cực theo Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

3. Đẩy mạnh thực hiện đồng bộ, quyết liệt ba đột phá chiến lược

Tiếp tục huy động mọi nguồn lực, đa dạng hình thức đầu tư, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Tập trung phát triển, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp, hạ tầng cảng biển và dịch vụ cảng biển, hạ tầng số, hạ tầng năng lượng, y tế, giáo dục, văn hóa, ... theo hướng tiên tiến, liên thông. Quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo trong việc tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, nhất là các công trình, dự án trọng điểm trong giai đoạn 2026 - 2030. Chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Trung ương trong thực hiện dự án tuyến đường sắt Hải Phòng - Hạ Long - Móng Cái và các tuyến nhánh kết nối bảo đảm thực hiện theo đúng thẩm quyền, tiến độ và quy định của pháp luật. Đẩy nhanh tiến độ triển khai Bồi thường, hỗ trợ tái định cư để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Tuyến đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Quảng Ninh trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; thúc đẩy phong trào khởi nghiệp, phát triển mạnh kinh tế tư nhân. Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan

đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và thủ tục hành chính nội bộ; cắt giảm tối đa thủ tục hành chính, nhất là trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, thương mại, khoáng sản, đầu tư, xây dựng,... Phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ; triển khai các chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026 - 2030.

Thực hiện có hiệu quả đột phá chiến lược về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, lao động có kỹ năng. Triển khai Kế hoạch hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khu vực kinh tế tư nhân tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026 - 2030. Xây dựng quy định ngành, lĩnh vực cần ưu tiên sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao; cơ chế chính sách đãi ngộ về nhà ở, môi trường làm việc để thu hút lao động về làm việc tại tỉnh. Quyết liệt thực hiện chủ trương phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân và nhà ở cho thuê theo chỉ đạo của Trung ương. Quy hoạch, bố trí triển khai đầu tư nhà ở xã hội ở các vị trí phù hợp, thuận tiện, bảo đảm đồng bộ hạ tầng, kỹ thuật, góp phần thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, lao động có kỹ năng về làm việc, sinh sống tại Quảng Ninh.

4. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo

Tiếp tục thực hiện toàn diện Kế hoạch số 42-KH/TU ngày 10 tháng 3 năm 2026 và Kế hoạch số 36-KH/TU ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Tháo gỡ các nút thắt, rào cản trong lĩnh vực này gắn với kết quả đầu ra và chấp nhận rủi ro có kiểm soát. Tăng tốc thực hiện Chiến lược chuyển đổi số tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030 và Chiến lược dữ liệu tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030. Khai thác, vận hành thông suốt Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) và Trung tâm giám sát an ninh mạng (SOC), bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu địa phương kết nối liên thông cơ sở dữ liệu quốc gia.

5. Nâng tầm nhiệm vụ phát triển văn hóa con người giàu bản sắc Quảng Ninh gắn với đảm bảo an sinh, phúc lợi, tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao chất lượng đời sống và hạnh phúc nhân dân

Tiếp tục đẩy mạnh Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị; sơ kết 03 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tỉnh ủy trong quý III/2026. Tổ chức tốt các hoạt động, kỷ niệm các ngày lễ lớn, sự kiện trọng đại của đất nước, của tỉnh, trong đó có các hoạt động kỷ niệm 90 năm Ngày Truyền thống công nhân Vùng mỏ - Truyền thống ngành Than (12/11/1936 - 12/11/2026).

Triển khai kế hoạch phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 - 5 tuổi giai đoạn 2026 - 2030. Giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu giáo viên trước tháng 9/2026. Thực hiện dạy học 2 buổi/ngày, đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ 2 trong trường học, áp dụng giáo dục STEM và chuẩn hóa mô hình trường học thông minh. Hoàn thành đầu tư xây dựng các trường phổ thông nội trú liên cấp tại các xã biên

giới trước ngày 30 tháng 8 năm 2026; nghiên cứu mô hình xe đưa đón học sinh bảo đảm an toàn.

Hoàn thành khám sức khỏe định kỳ, sàng lọc miễn phí cho người dân trong tháng 9/2026; lập sổ sức khỏe điện tử toàn dân và liên thông hệ thống xét nghiệm, bệnh án điện tử tại 100% cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh trong năm 2026. Tăng cường bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

Thực thi kịp thời, minh bạch chính sách ưu đãi người có công, dân tộc, tôn giáo, bảo trợ xã hội. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, hiện đại, bảo đảm người dân tiếp cận tốt các dịch vụ cơ bản. Chăm lo chu đáo đời sống người có công với cách mạng.

6. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; phòng tránh và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước

Ban hành và thực hiện kế hoạch triển khai Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh (sau điều chỉnh) và Quy hoạch chung đô thị Quảng Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075. Ưu tiên hoàn thành quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết tại các khu công nghiệp, khu kinh tế trọng điểm. Kịp thời cụ thể hóa quy hoạch thành danh mục dự án, chương trình đầu tư và kế hoạch sử dụng đất để thu hút nguồn lực.

Hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai bảo đảm “đúng - đủ - sạch - sống”, đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia. Làm tốt công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư, bảo đảm vật liệu san lấp và kiểm soát giá. Xử lý dứt điểm các dự án vướng mắc, chậm tiến độ, chậm đưa đất vào sử dụng trước Quý III/2026.

Tăng cường công tác phòng ngừa rủi ro ô nhiễm môi trường; ứng dụng khoa học công nghệ trong nâng cao hệ thống thu gom xử lý và đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút đầu tư các khu xử lý rác thải, nước thải công nghệ cao, không phát thải, thân thiện môi trường. Phát triển hạ tầng thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, bảo đảm an ninh nguồn nước, hạ tầng phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

7. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước; siết chặt kỷ cương, tư pháp; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và nâng cao hiệu quả đối ngoại

Nâng cao chất lượng kết luận thanh tra, kịp thời thu hồi tài sản thất thoát và xử lý nghiêm sai phạm. Tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài, không để phát sinh điểm nóng. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách theo Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị.

Triển khai hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết về quốc phòng, an ninh; tổ chức tốt diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh Quảng Ninh năm 2026. Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện; bảo đảm tuyệt đối an toàn các mục tiêu, sự kiện chính trị; tăng cường an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ. Triển khai Kế hoạch số 540-KH/TU ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế; thúc đẩy đối ngoại nhân dân và xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị.

Trên cơ sở sơ kết 1 năm vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, tập trung nâng cao năng lực phục vụ và kiến tạo phát triển. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với bảo đảm nguồn lực; bố trí cán bộ cấp cơ sở theo vị trí việc làm. Siết chặt kỷ cương hành chính, khắc phục triệt để tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; phân công theo phương châm "rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn, rõ kết quả". Đẩy mạnh cải cách hành chính, số hóa hồ sơ và lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo.

Chủ động thông tin, tuyên truyền chính xác, thiết thực nhằm tạo sự thống nhất thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI và các chính sách lớn. Phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và báo chí để phát huy vai trò giám sát, phản biện. Chủ động nắm bắt dư luận, kịp thời giải đáp kiến nghị và đấu tranh phản bác thông tin sai lệch, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp; chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu tăng trưởng năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 theo Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ và các Nghị quyết đã ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh.

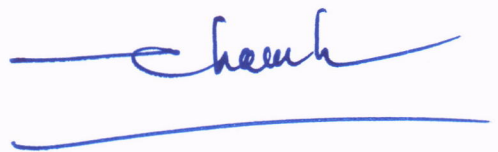
2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh Khóa XV, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./. 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh Khóa XV;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ10 

CHỦ TỊCH



Trịnh Thị Minh Thanh